

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30- 09-2020

*"V/v ly hôn, trA chấp về nuôi con
khi ly hôn"*

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hằng .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đới Văn Trinh và ông Phạm Phúc Ân.

- Thư ký phiên toà: Bà Mạc Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2020/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về trA chấp *"Ly hôn, trA chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXX-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thùy D, sinh năm 1990 (*vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa*) .

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư TH 3, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Xóm 8, thôn AD, xã AB, huyện KX, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: A Nguyễn Quốc A, sinh năm 1988 (*vắng mặt*) .

Địa chỉ: Số 21, Đường YK, khu dân cư TH 3, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

NỘI D VU ÁN:

Chị Trần Thị Thùy D trình bày như sau: Chị và anh Nguyễn Quốc A kết hôn ngày 25-4-2012 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn A chị về chung sống cùng với mẹ đẻ anh A tại khu dân cư TH 3, phường S, thành phố C. Được hơn một năm anh chị sang Trung Quốc làm ăn. Tại đây do việc làm ăn gặp khó khăn và chị D nghi ngờ anh A không chung thủy nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau. Chị

D bỏ về Việt Nam trước, anh A về sau rồi lại đi tiếp. Trong thời gian anh A sang Trung Quốc lần hai chị D đi làm ăn tại Ma Cao. Từ đó vợ chồng không còn tình cảm với nhau, tại Ma Cao hai vợ chồng có gặp nhau nhưng lạnh nhạt. Năm 2017 anh A về nước, chị D vẫn ở Ma Cao hai vợ chồng không liên lạc với nhau. Tháng 12-2019 chị D hết hạn hợp đồng về nước, chị về nhà bố mẹ đẻ chị ở, vợ chồng ly thân. Trong quá trình ly thân anh A cũng không tìm đón chị về, vợ chồng mỗi người tự ổn định cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng đề nghị Toà án sớm giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Anh Nguyễn Quốc A trình bày: Điều kiện vợ chồng kết hôn và chung sống đúng như chị D trình bày. Anh chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến khi chị D đi xuất khẩu lao động tại Ma Cao thì bắt đầu có mâu thuẫn. Trong suốt thời gian dài vợ chồng không liên lạc với nhau. Năm 2017 anh về nước, chị D vẫn làm tại Ma Cao. Năm 2020 chị D hết hạn hợp đồng về nước nhưng về ở luôn nhà bố mẹ đẻ chị D, anh có lên thăm con, vợ chồng chung sống với nhau vài ngày nhưng lại mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do vợ chồng ở xa nhau nhiều thời gian nên thiếu lòng tin đối với nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, thờ ơ. Nay chị D xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Chị D và anh A trình bày vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Anh V, sinh ngày 15 - 7 - 2012. Do cháu V từ nhỏ đã ở với anh A và bà nội nên anh chị thỏa thuận để anh A được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị D và anh A không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chị Trần Thị Thùy D và anh Nguyễn Quốc A đã thống nhất được việc giải quyết ly hôn. Tuy nhiên khi đến việc giao con chung, anh A không nhất trí nội dung giao con chung đến 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác nên anh A đã tự ý bỏ về không ký các biên bản.

Xác minh với trưởng khu dân cư Thái Học 3, phường Sao Đỏ cung cấp: Chị Trần Thị Thùy D và anh Nguyễn Quốc A đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. A chị chung sống cùng mẹ đẻ anh A tại khu dân cư. Mâu thuẫn của anh chị địa phương không biết vì cũng không nhờ địa phương hòa giải lần nào. Vài năm gần đây chị D không còn chung sống với anh A nữa và cũng không còn ở khu dân cư. Về con chung anh chị có 01 con chung vẫn đang do anh A nuôi dưỡng từ nhỏ. Anh A có công việc và thu nhập ổn định, ở cùng với mẹ đẻ, bà nhận rồi nên có thời gian hỗ trợ anh A trong việc chăm sóc con chung. Anh A làm việc tại địa phương nên có thời gian chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thùy D được ly hôn anh Nguyễn Quốc A; về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn A V, sinh ngày 15-7-2012 cho anh Nguyễn Quốc A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi, anh A tự nguyện không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Thùy D phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trả lời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trần Thị Thùy D khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Quốc A có địa chỉ cư trú tại khu dân cư TH3, phường S, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ. Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội D:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy D và anh Nguyễn Quốc A kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh chị không tin tưởng nhau chung thủy, vợ chồng thiếu lòng tin đối với nhau. Hơn nữa vợ chồng lại xa nhau nhiều thời gian nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Từ khi vợ chồng sống ly thân, anh A cũng không tìm gặp chị D về đoàn tụ. Anh chị đều xác định vợ chồng không còn tình cảm không về đoàn tụ với nhau được. Như vậy HĐXX thấy rằng vợ chồng vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn A V. A chị đều thống nhất thỏa thuận để anh A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh A tự nguyện không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung với A. Cháu V hiện đang do anh A nuôi dưỡng, kể cả trong suốt thời gian chị D đi nước ngoài. Hiện cháu đang học tập, sinh sống phát triển ổn định. Do vậy HĐXX xét thấy giao con chung cho anh A nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh A là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản: Do các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Thùy D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thùy D được ly hôn anh Nguyễn Quốc A.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn A V, sinh ngày 15-7-2012 cho anh Nguyễn Quốc A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác, anh A tự nguyện không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Thùy D được quyền thăm nom con không ai cản trở.

- Về tài sản: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Thùy D phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0006432 ngày 15-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh.

- Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thùy D và anh Nguyễn Quốc A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- VKSND thành phố Chí Linh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS TP. Chí Linh;
- Các đương sự;
- UBND phường Sao Đỏ, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Thu Hằng